TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:*** Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Y

2/ Ông Nguyễn Hoàng Thái

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Võ Trường C,** sinh năm: 1971

Địa chỉ: ấp G, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

- Bị đơn: **Đỗ Thị Mỹ T**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: ấp G, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

(Anh C có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Trường C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Đỗ Thị Mỹ T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện CT, tỉnh TG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi vợ chồng còn chung sống có mua một xe tải để buôn bán hàng rẫy, chị T đi mua bán ở thành phố Hồ Chí Minh rồi có quan hệ tình cảm với người khác, vì muốn vợ chồng hàn gắn anh C đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị T vẫn không thay đổi, thường xuyên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới về. Đến năm 2019 vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Trường G, sinh ngày 29/11/1996 và Võ Trường D, sinh ngày 08/3/2005, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ T dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ T dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**1]** – **Về nội dung yêu cầu:** Anh Võ Trường C yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ T. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Anh C và chị T xác lập hôn nhân vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh C và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, chị T không chung thủy. Anh C và chị T đã không còn sống cùng nhà từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa anh C và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ T dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng chị T không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh C, đồng thời tại phiên tòa chị T vắng mặt, chứng tỏ chị T không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Anh C và chị T có 02 con chung tên Võ Trường G, sinh ngày 29/11/1996 và Võ Trường D, sinh ngày 08/3/2005, đã trưởng thành nên không xem xét.

[1.4] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[1.5] Về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Trường C.

- Anh Võ Trường C được ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ T.

2/ Về án phí: Anh Võ Trường C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân

gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006507 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh